









**Danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Sóc Trăng**

T T	Địa giới hành chính	Khu vực thiết lập hành lang	Điểm giới hạn	Vị trí địa lý		Chiều dài HLBVB B tương ứng (m)	Ảnh chụp Google Earth từng khu vực	Mô tả khái quát	Mục đích
				Tọa độ					
				X (m)	Y (m)				
1	Xã An Thạnh 3, huyện Cù lao Dung	KV 1	ĐĐ	1,060,102.27	584,915.08	4.500,2		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cảnh quan, môi trường và hệ sinh thái: hệ sinh thái bãi bồi, rừng phòng hộ ven biển.</li> <li>- Xói lở bờ biển: Khu vực đê bao Đôn Biên Phòng An Thạnh 3.</li> <li>- Dân cư và hoạt động sinh kế: + Dân số: 11.208. + Du lịch, nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản, trồng rừng, sản xuất nông nghiệp.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảo vệ hệ sinh thái bãi bồi và rừng phòng hộ ven biển.</li> <li>- Chống sạt lở bờ biển</li> </ul>
			ĐC	1,056,823.47	585,801.09				
2	Xã An Thạnh Nam, huyện Cù lao Dung	KV 2	ĐĐ	1,056,812.74	585,796.38	11.453,92		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cảnh quan, môi trường và hệ sinh thái: Hệ sinh thái bãi bồi, rừng phòng hộ ven biển, khu du lịch sinh thái Cù Lao Dung.</li> <li>- Xói lở bờ biển.</li> <li>- Dân cư và hoạt động sinh kế: + Dân số: 7.044. + Du lịch, nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản, dịch vụ hậu cần nghề cá, trồng rừng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảo vệ cảnh quan và môi trường hệ sinh thái bãi bồi, rừng phòng hộ ven biển và khu du lịch sinh thái Cù Lao Dung.</li> </ul>
			ĐC	1,053,444.12	578,904.87				

T T	Địa giới hành chính	Khu vực thiết lập hành lang	Điểm giới hạn	Vị trí địa lý		Chiều dài HLBVB B tương ứng (m)	Ảnh chụp Google Earth từng khu vực	Mô tả khái quát	Mục đích
				Tọa độ					
				X (m)	Y (m)				
3	Xã Vĩnh Hải, thị xã Vĩnh Châu	KV 3	ĐĐ	1,040,268.21	572,566.22	17.238,56		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cảnh quan, môi trường và hệ sinh thái: rừng phòng hộ ven biển, khu du lịch sinh thái Hồ Bể.</li> <li>- Xói lở bờ biển: Đoạn xói lở từ ấp Huỳnh Kỳ đến ấp Mỹ Thanh, tốc độ xói lở trung bình 12 – 15m/năm.</li> <li>- Dân cư và hoạt động sinh kế: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Dân số: 21.124.</li> <li>+ Du lịch, nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản, trồng rừng, dịch vụ hậu cần nghề cá.</li> </ul> </li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảo vệ cảnh quan và môi trường hệ sinh thái rừng phòng hộ ven biển, và khu du lịch sinh thái Hồ Bể.</li> <li>- Chống xói lở bờ biển</li> </ul>
			ĐC	1,033,295.87	567,141.41				
			ĐĐ	1,033,486.54	567,067.40				
			ĐC	1,032,228.61	563,242.51				

T T	Địa giới hành chính	Khu vực thiết lập hành lang	Điểm giới hạn	Vị trí địa lý		Chiều dài HLBVB B tương ứng (m)	Ảnh chụp Google Earth từng khu vực	Mô tả khái quát	Mục đích
				Tọa độ					
				X (m)	Y (m)				
4	Xã Lạc Hòa, thị xã Vĩnh Châu	KV 4	ĐĐ	1,032,228.61	563,242.51	3.240,49		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cảnh quan, môi trường và hệ sinh thái: rừng phòng hộ ven biển.</li> <li>- Xói lở bờ biển: Xói lở dọc bờ biển thuộc xã Lạc Hòa.</li> <li>- Dân cư và hoạt động sinh kế: + Dân số: 15.488. + Nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản, trồng rừng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảo vệ cảnh quan, môi trường rừng phòng hộ ven biển.</li> <li>- Chống sạt lở bờ biển.</li> </ul>
			ĐC	1,031,266.07	560,153.64				
5	Phường 2, thị xã Vĩnh Châu	KV 5	ĐĐ	1,031,266.07	560,153.64	1.382,82		<ul style="list-style-type: none"> <li>Cảnh quan, môi trường và hệ sinh thái: rừng phòng hộ ven biển.</li> <li>- Xói lở bờ biển: Xói lở dọc bờ biển phường 2, tốc độ xói lở trung bình là 10m/năm.</li> <li>- Dân cư và hoạt động sinh kế: + Dân số: 22.357. + Nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản, trồng rừng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảo vệ cảnh quan và môi trường rừng phòng hộ ven biển.</li> <li>- Chống sạt lở bờ biển.</li> </ul>
			ĐC	1,030,796.50	558,849.93				

T T	Địa giới hành chính	Khu vực thiết lập hành lang	Điểm giới hạn	Vị trí địa lý		Chiều dài HLBVB B tương ứng (m)	Ảnh chụp Google Earth từng khu vực	Mô tả khái quát	Mục đích
				Tọa độ					
				X (m)	Y (m)				
6	Phường Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu	KV 6	ĐĐ	1,026,902.66	547,253.61	1.718,31		<p>Cảnh quan, môi trường và hệ sinh thái: rừng phòng hộ ven biển.</p> <p>- Xói lở bờ biển: Khu vực từ ấp Biển Trên đến khu vực công số 9 với tốc độ xói lở nhẹ 10–15m/năm.</p> <p>- Dân cư và hoạt động sinh kế: + Dân số: 23.884. + Nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản, trồng rừng.</p>	<p>- Bảo vệ cảnh quan và môi trường hệ sinh thái rừng phòng hộ ven biển.</p> <p>- Chống sạt lở bờ biển.</p>
			ĐC	1,026,296.59	545,646.91				
7	Xã Vĩnh Tân, thị xã Vĩnh Châu	KV 7	ĐĐ	1,026,296.59	545,646.91	4.229,29		<p>- Cảnh quan, môi trường và hệ sinh thái: rừng ngập mặn.</p> <p>- Xói lở bờ biển: xói lở nhẹ dọc bờ biển xã Vĩnh Tân với tốc độ xói lở trung bình 10-15m/năm.</p> <p>- Dân cư và hoạt động sinh kế: + Dân số: 15.363. + Nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản, dịch vụ hậu cần nghề cá, trồng rừng.</p>	<p>- Bảo vệ cảnh quan và môi trường hệ sinh thái rừng ngập mặn.</p> <p>- Chống sạt lở bờ biển.</p>
			ĐC	1,024,888.01	541,664.59				

T T	Địa giới hành chính	Khu vực thiết lập hành lang	Điểm giới hạn	Vị trí địa lý		Chiều dài HLBVB B tương ứng (m)	Ảnh chụp Google Earth từng khu vực	Mô tả khái quát	Mục đích
				Tọa độ					
				X (m)	Y (m)				
8	Xã Lai Hòa, thị xã Vĩnh Châu	KV 8	ĐĐ	1,024,888.01	541,664.59	6.430,02		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cảnh quan, môi trường và hệ sinh thái: rừng ngập mặn.</li> <li>- Xói lở bờ biển: xói lở nhẹ dọc bờ biển với tốc độ 10 – 15m/năm.</li> <li>- Dân cư và hoạt động sinh kế: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Dân số: 22.209.</li> <li>+ Nuôi trồng và đánh bắt thủy sản, trồng rừng.</li> </ul> </li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảo vệ cảnh quan và môi trường hệ sinh thái rừng ngập mặn.</li> <li>- Chống sạt lở bờ biển.</li> </ul>